

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC  
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ  
QUỸ BÔNG SEN**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4 - 5
4. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 – 14
5. Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	15 – 23
6. Phụ lục 1: Báo cáo tính hình biến động vốn giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	24

\*\*\*\*\*

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được soát xét.

### Khái quát về Công ty

Công ty là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK - GP ngày 10 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được 05 lần Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về việc bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ sở văn phòng, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng anh của Công ty, trong đó, Giấy phép điều chỉnh lần thứ 4 ngày 28 tháng 01 năm 2019.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024.35370909
- Fax : 024.32222754

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy phép thành lập là:

- Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

### Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Cao Hoài Thanh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 06 tháng 2 năm 2009
Bà Phạm Minh Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2018
Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 11 năm 2018

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Cao Hoài Thanh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2018
Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 11 năm 2018
Ông Phạm Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 6 năm 2013
Ông Cao Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 3 năm 2019
Ông Hoàng Lê Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2018 Miễn nhiệm ngày 20 tháng 3 năm 2019

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Cao Hoài Thanh – Tổng Giám đốc (từ ngày 19 tháng 11 năm 2018).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính khi lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

**Phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 đính kèm. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



**Ông Giám đốc**

**Cao Hoài Thanh**

Ngày 29 tháng 7 năm 2019

Số: 2.0472/19/TC-AC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Bông Sen, được lập ngày 29 tháng 7 năm 2019 (từ trang 7 đến trang 24 đính kèm).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định về chi tiêu an toàn tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C  
Chi nhánh Hà Nội



Lê Văn Khoa - Phó Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1794-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2019



# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2019

Chúng tôi cam đoan rằng:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo.
- Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Hà Nội, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Bộ phận Kiểm soát  
nội bộ



Nguyễn Trung Kiên

Kế toán trưởng



Lê Thị Hồng Vân

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH****I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>A -</b>	<b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>			
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	25.000.000.000		
	Thặng dư vốn cổ phần, vốn khác không bao gồm			
2.	cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	-		
3.	Cổ phiếu quỹ	-		
4.	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (nếu có)	-		
5.	Quỹ đầu tư phát triển (nếu có)	-		
6.	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-		
7.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
8.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	81.401.419		
9.	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	2.033.895.915		
10.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
11.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
12.	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-		
13.	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chi tiêu đầu tư tài chính		2.033.895.915	137.501.867
14.	Vốn khác (nếu có)			
	<b>CỘNG</b>	<b>27.115.297.334</b>	<b>2.033.895.915</b>	<b>137.501.867</b>
<b>1A.</b>	<b>TỔNG</b>	<b>25.218.903.286</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

**I. Bảng tính vốn khả dụng (tiếp theo)**

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>B -</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>			
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>			
<b>II.</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>			
1.	Đầu tư ngắn hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 6			
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
1.	Phải thu của khách hàng			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			62.504.000
2.	Trả trước cho người bán			
3.	Phải thu hoạt động nghiệp vụ			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động nghiệp vụ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu nội bộ ngắn hạn			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5.	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6.	Các khoản phải thu khác			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>			
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>			
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn			97.812.975
2.	Thuế GTGT được khấu trừ			
3.	Thuế và các khoản phải thu nhà nước			
4.	Tài sản ngắn hạn khác			
4.1	Tạm ứng			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày			33.950.000
4.2	Tài sản ngắn hạn khác			
<b>1B.</b>	<b>TỔNG</b>			<u><u>194.266.975</u></u>

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
<b>C -</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>			
	<b>Các khoản phải thu dài hạn, kể cả phải thu từ hoạt động ủy thác</b>			
I.	<b>hoạt động ủy thác</b>			
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3.	Phải thu dài hạn nội bộ			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
4.	Phải thu dài hạn khác			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống			
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày			
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			
II.	<b>Tài sản cố định</b>			
III.	<b>Bất động sản đầu tư</b>			
IV.	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>			
1.	Đầu tư vào công ty con			
2.	Vốn góp liên doanh			
3.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
4.	Đầu tư chứng khoán dài hạn			
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 9			
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định tại khoản 5 Điều 6			
5.	Các khoản đầu tư dài hạn ra nước ngoài			
6.	Đầu tư dài hạn khác			
7.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn			
V.	<b>Tài sản dài hạn khác</b>			
1.	Chi phí trả trước dài hạn			471.423
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			132.229.598
3.	Ký cược, ký quỹ dài hạn			
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 6			
<b>IC. TỔNG</b>				<b>132.701.021</b>
<b>VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C</b>				<b>24.891.935.290</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH****II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

**A - RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro (1)	Quy mô rủi ro (2)	Giá trị rủi ro (3) = (1) * (2)
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>				-
1.	Tiền mặt (VND)	0%	1.594.157.493	-
2.	Các khoản tương đương tiền	0%	-	-
3.	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	0%	-	-
<b>II. Trái phiếu Chính phủ</b>				-
4.	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%	-	-
5.	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), Trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, Trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và FRRD)	3%	-	-
<b>III. Trái phiếu doanh nghiệp</b>				-
6.	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 3 đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%	-	-
7.	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35%	-	-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

**II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)**

Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
	(1)	(2)	(3) = (1) * (2)
<b>IV. Cổ phiếu</b>			<b>3.760.939.593</b>
8. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh; chứng chỉ quỹ mở	10%	138.615.630	13.861.563
9. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	12.270.120.200	1.840.518.030
10. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%	-	-
11. Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30%	-	-
12. Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	3.813.120.000	1.906.560.000
<b>V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán</b>			-
13. Quỹ đại chúng, bao gồm cả công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10%	-	-
14. Quỹ thành viên, công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30%	-	-
<b>VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch</b>			-
15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch	40%	-	-
16. Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	-	-
<b>VII. Chứng khoán khác</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>800.000.000</b>
17. Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	1.000.000.000	800.000.000
18. Các tài sản đầu tư khác			
<b>VIII. Rủi ro tăng thêm</b>			<b>844.362.000</b>
Mã chứng khoán			<b>Giá trị rủi ro</b>
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ	30%	10.290.000.000	463.050.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	20%	3.813.120.000	381.312.000
<b>A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG</b>			<b>5.405.301.593</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

**II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)**

**B - RỦI RO THANH TOÁN**

Loại hình giao dịch	Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
	0%	0.8%	3.2%	4.8%	6%	8%	
<b>I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán</b>							<b>504.416.943</b>
1. Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	-	-	-	-	-	504.416.943	504.416.943
2. Cho vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3. Vay chứng khoán/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4. Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5. Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
6. Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (chợ khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
<b>II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán</b>							-
Thời gian quá hạn					<b>Hệ số rủi ro</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
1. 0 - 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					16%	-	-
2. 16 - 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					32%	-	-
3. 31 - 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán					48%	-	-
4. Từ 60 ngày trở đi					100%	-	-
<b>III. Rủi ro tăng thêm</b>							-
Chỉ tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác					<b>Mức tăng thêm</b>	<b>Quy mô rủi ro</b>	<b>Giá trị rủi ro</b>
					10%	-	-
					20%	-	-
					30%	-	-
<b>B. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN</b>							<b>504.416.943</b>

11/21 - 5 - 1/011

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

II. Bảng tính giá trị rủi ro (tiếp theo)

### C- RỦI RO HOẠT ĐỘNG

I.	Tổng chi phí hoạt động phát sinh	5.340.062.084
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	632.314.210
1.	Chi phí khấu hao	632.314.210
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	
3.	Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
4.	Dự phòng phải thu khó đòi	
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	4.707.747.874
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.176.936.969
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	5.000.000.000
C.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max {IV, V})	<u>5.000.000.000</u>
D.	TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A + B + C)	<u><u>10.909.718.536</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: P1806, Tầng 18, Charmvit Tower, 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH****III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

STT	CHỈ TIÊU	Vốn khả dụng/Tổng giá trị rủi ro	Ghi chú
1.	Tổng giá trị rủi ro thị trường	5.405.301.593	
2.	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	504.416.943	
3.	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	5.000.000.000	
4.	Tổng giá trị rủi ro (4 = 1 + 2 + 3)	<u>10.909.718.536</u>	
5.	Vốn khả dụng	24.891.935.290	
6.	Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6 = 5/4)	228%	

002  
NH  
TY  
HUU  
C. TU  
TP. HO.  
14

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần.
2. Lĩnh vực kinh doanh : Quản lý quỹ đầu tư.
3. Tổng số công nhân viên : 17 người (Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7 nhân viên)

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 1. Văn bản pháp lý áp dụng

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty được lập và trình bày theo quy định tại Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ("Thông tư 87") ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính ("Báo cáo tỷ lệ vốn khả dụng") này được lập trên cơ sở số liệu tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2019.

*Các cách thức diễn giải được áp dụng trong trường hợp không có hướng dẫn cụ thể trong Thông tư 87 và các văn bản khác:*

Trong quá trình lập và trình bày báo cáo này, do Thông tư 87 chưa có hướng dẫn cụ thể nên Công ty đã áp dụng các diễn giải dưới đây cho một số khoản mục dựa trên hiểu biết và đánh giá của Công ty. Cụ thể như sau:

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
1	Chỉ tiêu "Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản" (Chỉ tiêu h, Khoản 2, Điều 4 - Vốn khả dụng, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Chỉ tiêu "Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản" bao gồm số dư các khoản dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2019
2	Chỉ tiêu "Các khoản phải thu" (Chỉ tiêu g, h Khoản 1, Điều 10 - Giá trị rủi ro thanh toán, Thông tư 87/2017/TT-BTC)	Chỉ tiêu "Các khoản phải thu" bao gồm cả các khoản phải thu khác và các tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán và tiến hành xác định giá trị rủi ro thanh toán của các khoản mục này theo công thức quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC.
3	Chỉ tiêu "Tiền mặt VND" (Khoản 2 Điều 9 - Giá trị rủi ro thị trường)	Chỉ tiêu "Tiền mặt VND" bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Khoản mục	Cách thức diễn giải của Công ty
4	Chỉ tiêu "Rủi ro tăng thêm" (Khoản 5, Điều 9 - Giá trị rủi ro thị trường); (Khoản 8, Điều 10 - Giá trị rủi ro thanh toán)	Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng thêm được tính bằng Giá trị rủi ro x hệ số rủi ro tăng thêm.

*Đồng tiền trên báo cáo:* Công ty thực hiện lập báo cáo bằng đồng Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ văn bản pháp lý

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của Thông tư số 87/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Bộ Tài chính ban hành quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH LẬP BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

##### 1. Tỷ lệ vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tỷ lệ vốn khả dụng được xác định theo công thức quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC như sau:

$$\text{Tỷ lệ vốn khả dụng} = (\text{Vốn khả dụng} / \text{Tổng giá trị rủi ro}) \times 100\%$$

Trong đó, tổng giá trị rủi ro là tổng các giá trị rủi ro thị trường, giá trị rủi ro thanh toán và giá trị rủi ro hoạt động.

##### 2. Vốn khả dụng

Vốn khả dụng là vốn chủ sở hữu có thể chuyển đổi thành tiền trong vòng 90 ngày, cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu, không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có), không bao gồm cổ phiếu quỹ (nếu có);
- Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm vốn cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có);
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
- Quỹ đầu tư phát triển (nếu có);
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập phù hợp với quy định của pháp luật;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối;
- Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản;
- Năm mươi phần trăm (50%) phần giá trị tăng thêm của tài sản cố định được định giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp định giá tăng), hoặc trừ đi toàn bộ phần giá trị giảm đi (trong trường hợp định giá giảm);
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- Các khoản giảm trừ<sup>(i)</sup>;
- Các khoản tăng thêm<sup>(ii)</sup>;
- Vốn khác (nếu có).

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### (i) Các khoản giảm trừ

Vốn khả dụng được điều chỉnh giảm bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị giảm đi của các khoản đầu tư (trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc so với giá thị trường xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC), không bao gồm chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Các chỉ tiêu trong tài sản dài hạn, không bao gồm (i) các tài sản phải xác định rủi ro thị trường theo quy định; (ii) nhóm chứng khoán bị loại khỏi vốn khả dụng; (iii) dự phòng giảm giá đầu tư; (iv) dự phòng phải thu khó đòi.
- Các chỉ tiêu trong tài sản ngắn hạn (chứng khoán đầu tư tài chính ngắn hạn; các khoản trả trước; các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thời hạn thanh toán còn lại trên chín mươi (90) ngày; các khoản tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên chín mươi (90) ngày; các tài sản ngắn hạn khác).
- Các khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến (nếu có) trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà chưa được trừ ra khỏi vốn khả dụng. Trường hợp tổ chức kiểm toán xác nhận là đã hết ngoại trừ thì tổ chức kinh doanh chứng khoán không phải trừ đi khoản này.

Khi xác định các chỉ tiêu tài sản giảm trừ khỏi vốn khả dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán được điều chỉnh giảm bớt phần giá trị giảm trừ như sau:

- Đối với tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của chính tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc cho bên thứ ba, thì khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị thị trường của tài sản đó (xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC), giá trị sổ sách, giá trị còn lại của nghĩa vụ;
- Đối với tài sản được bảo đảm bằng tài sản của khách hàng, khi tính giảm trừ được giảm bớt đi giá trị nhỏ nhất của các giá trị sau: giá trị tài sản bảo đảm xác định theo quy định Thông tư số 87/2017/TT-BTC, giá trị sổ sách.

### (ii) Các khoản tăng thêm

Vốn khả dụng được điều chỉnh tăng tối đa bằng 50% phần vốn chủ sở hữu, bởi các khoản mục sau:

- Toàn bộ phần giá trị tăng thêm so với giá thị trường của các khoản đầu tư không bao gồm các chứng khoán được phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như các chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên 90 ngày kể từ ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Giá trị của các khoản nợ có thời hạn ban đầu là năm (05) năm của Công ty có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu;
- Các khoản nợ có thời hạn ban đầu trên mười (10) năm đã đăng ký bổ sung vào vốn khả dụng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Đối với các khoản nợ có thể chuyển đổi thành vốn chủ sở hữu và các khoản nợ đã được đăng ký bổ sung vốn khả dụng với Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Công ty khấu trừ 20% giá trị ban đầu trong thời gian 5 năm cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông và khấu trừ tiếp mỗi quý 25% từ phần giá trị còn lại sau khi đã khấu trừ trong thời hạn 04 quý cuối cùng trước khi đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### 3. Giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi giá thị trường của tài sản đang sở hữu biến động theo chiều hướng bất lợi.

*Các tài sản không tính Giá trị rủi ro thị trường, bao gồm:*

- Cổ phiếu quỹ.
- Chứng khoán phát hành bởi các tổ chức có quan hệ với Công ty cũng như Chứng khoán có thời gian bị hạn chế chuyển nhượng còn lại trên chín mươi (90) ngày, kể từ ngày lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính.
- Trái phiếu, các công cụ nợ, giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ đã đáo hạn.

*Công thức xác định:*

Giá trị rủi ro thị trường = Vị thế ròng x Giá tài sản x Hệ số rủi ro thị trường

Trong đó, các yếu tố được xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC, như sau:

#### *(i) Vị thế ròng của chứng khoán*

Là số lượng chứng khoán đang nắm giữ của Công ty tại thời điểm lập báo cáo, sau khi đã điều chỉnh giảm bớt số chứng khoán cho vay và tăng thêm số chứng khoán đi vay phù hợp với quy định của pháp luật.

#### *(ii) Giá tài sản*

##### *a) Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ*

Giá trị của tiền bằng VND là số dư tài khoản tiền mặt tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền bằng ngoại tệ là giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày tính toán.

Giá trị của tiền gửi kỳ hạn và các công cụ thị trường tiền tệ bằng giá trị tiền gửi/giá mua cộng lãi lũy kế chưa được thanh toán tới ngày tính toán.

##### *b) Trái phiếu*

Giá trị của trái phiếu niêm yết là giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày gần nhất cộng lãi lũy kế. Trong trường hợp trái phiếu không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai tuần tính đến ngày tính toán, là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

Giá trị của trái phiếu chưa niêm yết là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá niêm yết trên các hệ thống báo giá do Công ty lựa chọn (nếu có); Giá mua cộng lãi lũy kế; Mệnh giá cộng lãi lũy kế; Giá xác định theo phương pháp nội bộ, bao gồm cả lãi lũy kế.

##### *c) Cổ phiếu*

Giá trị của cổ phiếu niêm yết: Là giá đóng cửa tại ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất đối với cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Giá trị của cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên UpCom: Là giá giao dịch bình quân của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

Giá trị của cổ phiếu đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn UpCom nhưng không có giao dịch trong vòng nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, hoặc cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch: Là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty.

Giá trị của cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch: Là giá trị trung bình dựa trên báo giá của tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán không liên quan đến Công ty tại ngày giao dịch gần nhất trước thời điểm tính toán. Trường hợp cổ phiếu không có đủ báo giá từ tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán, giá trị của cổ phiếu là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: Giá từ các báo giá; Giá của kỳ báo cáo gần nhất; Giá trị sổ sách; Giá mua; Giá theo quy định nội bộ của Công ty.

### d) Cổ phần, phần vốn góp khác

Giá trị cổ phần, phần vốn góp khác là giá trị lớn nhất trong các giá trị sau: giá trị sổ sách; giá mua/giá trị vốn góp; giá theo quy định nội bộ của Công ty.

### e) Quỹ/Cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán

Giá trị quỹ đóng đại chúng là giá đóng cửa của ngày giao dịch gần nhất ngày tính toán. Trường hợp quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày tính toán, giá trị quỹ được tính bằng (Giá trị tài sản ròng ("NAV")/1 Chứng chỉ quỹ) tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

Giá trị Quỹ thành viên/Quỹ mở/cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ bằng NAV trên một đơn vị phần vốn góp/đơn vị chứng chỉ quỹ/cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày tính toán.

### (iii) Hệ số rủi ro thị trường

Hệ số rủi ro thị trường được xác định theo Thông tư số 87/2017/TT-BTC.

### Điều chỉnh tăng giá trị rủi ro thị trường

Giá trị rủi ro thị trường của mỗi tài sản xác định sẽ phải điều chỉnh tăng thêm trong trường hợp Công ty đầu tư quá nhiều vào tài sản đó, ngoại trừ chứng khoán đang trong thời gian bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh.

Giá trị rủi ro được điều chỉnh tăng theo nguyên tắc sau:

- Tăng thêm 10% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 20% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Tăng thêm 30% trong trường hợp tổng giá trị của khoản đầu tư vào cổ phiếu và trái phiếu của một tổ chức chiếm từ trên 25% trở lên vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh doanh chứng khoán.

Công ty phải điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay (đối với tiền gửi và các khoản tương đương tiền công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá) vào giá tài sản khi xác định giá trị rủi ro thị trường.

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### 4. Giá trị rủi ro thanh toán

Giá trị rủi ro thanh toán là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc chuyển giao tài sản đúng hạn theo cam kết.

Khi kết thúc ngày giao dịch, Công ty xác định giá trị rủi ro thanh toán đối với các hợp đồng, giao dịch sau:

- Đối với Tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng, các khoản cho vay đối với các tổ chức, cá nhân khác; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật, các khoản phải thu, các khoản phải thu khác và tài sản có khác tiềm ẩn rủi ro thanh toán, giá trị rủi ro thanh toán trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán, tiền và thanh lý hợp đồng: Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

*Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

- Đối với Hợp đồng bảo lãnh phát hành ký với các tổ chức khác trong tổ hợp bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn mà tổ chức kinh doanh chứng khoán là tổ chức bảo lãnh phát hành chính:

*Giá trị rủi ro thanh toán = 30% x Giá trị còn lại của các hợp đồng bảo lãnh phát hành chưa được thanh toán.*

- Đối với các khoản phải thu đã quá hạn, kê cả trái phiếu đáo hạn, các giấy tờ có giá, công cụ nợ đã đáo hạn mà chưa được thanh toán, các khoản phải thu của Công ty, các khoản phải thu cho khách hàng trong hoạt động môi giới bán chứng khoán; Tài sản quá thời hạn chuyển giao, kê cả chứng khoán trong hoạt động kinh doanh của Công ty, chứng khoán của khách hàng trong hoạt động môi giới chứng khoán; Hợp đồng vay, mượn chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật; Hợp đồng cho vay mua ký quỹ chứng khoán phù hợp với quy định của pháp luật đã đáo hạn: Giá trị rủi ro thanh toán được xác định như sau:

*Giá trị rủi ro thanh toán = Hệ số rủi ro thanh toán theo thời gian x Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

#### *Hệ số rủi ro thanh toán*

Hệ số rủi ro thanh toán được xác định theo đối tác và theo thời gian quá hạn thanh toán theo nguyên tắc quy định tại Thông tư 87/2017/TT-BTC.

Hệ số rủi ro thanh toán theo đối tác xác định tùy thuộc vào mức độ tín nhiệm của đối tác giao dịch.

Thời hạn thanh toán/nhận chuyển giao chứng khoán là T+2 (đối với cổ phiếu niêm yết), T+1 (đối với trái phiếu niêm yết); hoặc T+n (đối với các giao dịch thỏa thuận ngoài hệ thống giao dịch trong n theo thỏa thuận của hai bên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

### Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm các khoản cổ tức, trái tức, giá trị quyền ưu đãi nếu phát sinh (đối với chứng khoán), hoặc lãi cho vay, và các khoản phụ phí khác (đối với các khoản tín dụng).

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán được xác định như sau:

Đối với các giao dịch mua, bán chứng khoán, cho khách hàng hoặc cho bản thân Công ty: Là giá trị thị trường của hợp đồng tính theo nguyên tắc sau:

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong hoạt động vay, cho vay chứng khoán, giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại:

STT	Loại hình giao dịch	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán
1.	Tiền gửi có kỳ hạn, khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm	Toàn bộ giá trị khoản cho vay
2.	Cho vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo (nếu có)}), 0\}$
3.	Vay chứng khoán	$\text{Max}\{(\text{Giá trị tài sản đảm bảo} - \text{Giá trị thị trường của hợp đồng}), 0\}$
4.	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị hợp đồng tính theo giá mua} - \text{Giá trị thị trường của Hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường})), 0\}$
5.	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại	$\text{Max}\{(\text{Giá trị thị trường của hợp đồng} \times (1 - \text{Hệ số rủi ro thị trường}) - \text{Giá trị hợp đồng tính theo giá bán}), 0\}$
6.	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	$\text{Max}\{(\text{Số dư nợ} - \text{Giá trị tài sản đảm bảo}), 0\}$

Số dư nợ là giá trị khoản vay, lãi vay và các loại phí.

Giá trị tài sản đảm bảo được xác định theo giá trị thị trường. Trong trường hợp tài sản bảo đảm của khách hàng không có giá tham khảo theo thị trường, thì được xác định theo quy định nội bộ của Công ty.

- Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro trong hoạt động giao dịch chứng khoán:

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
A - Đối với các giao dịch bán chứng khoán (bên bán là Công ty hoặc khách hàng của Công ty trong hoạt động môi giới)		
1.	Trước thời hạn nhận thanh toán	0
2.	Sau thời hạn nhận thanh toán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường thấp hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
B - Đối với các giao dịch mua chứng khoán (bên mua là Công ty hoặc khách hàng của Công ty)		
1.	Trước thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	0

## CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)

STT	Thời gian	Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro
2.	Sau thời hạn nhận chuyển giao chứng khoán	Giá trị thị trường của Hợp đồng (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)
		0 (trong trường hợp Giá thị trường cao hơn Giá giao dịch)

*Đối với các khoản phải thu, trái phiếu đã đáo hạn, các công cụ nợ đã đáo hạn*

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán là giá trị khoản phải thu tính theo mệnh giá, cộng thêm các khoản lãi chưa được thanh toán, chi phí có liên quan và trừ đi khoản thanh toán đã thực nhận trước đó (nếu có).

#### *Giảm trừ giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán*

Công ty điều chỉnh giảm trừ phần giá trị tài sản bảo đảm của đối tác, khách hàng khi xác định giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp các hợp đồng, giao dịch này đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Đối tác, khách hàng có tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của mình và tài sản bảo đảm là tiền, các khoản tương đương tiền, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán, trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Bộ Tài chính bảo lãnh phát hành;
- Công ty có quyền định đoạt, quản lý, sử dụng, chuyển nhượng tài sản bảo đảm trong trường hợp đối tác không thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn đã thỏa thuận tại các hợp đồng.

Giá trị tài sản giảm trừ được xác định như sau:

Giá trị tài sản đảm bảo = Khối lượng tài sản X Giá tài sản X (1 - Hệ số rủi ro thị trường)

Khi xác định giá trị rủi ro thanh toán, Công ty được bù trừ ròng song phương giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro thanh toán trong trường hợp đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- Rủi ro thanh toán liên quan tới cùng một đối tác;
- Rủi ro thanh toán phát sinh đối với cùng một loại hình giao dịch theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư 87/2017/TT-BTC;
- Việc bù trừ ròng song phương đã được các bên thống nhất trước bằng văn bản.

#### *Giá trị rủi ro thanh toán phải được điều chỉnh tăng thêm trong các trường hợp sau:*

- Tăng thêm 10% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 10% đến 15% vốn chủ sở hữu;
- Tăng thêm 20% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), chiếm từ trên 15% đến 25% vốn chủ sở hữu;

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

**Bản thuyết minh Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính (tiếp theo)**

- Tăng thêm 30% trong trường hợp giá trị hợp đồng tiền gửi, khoản cho vay, khoản phải thu trong hạn, hợp đồng mua có cam kết bán lại chứng khoán, hợp đồng bán có cam kết mua lại chứng khoán, tổng giá trị các khoản vay đối với một tổ chức, cá nhân và nhóm tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có), hoặc một cá nhân và các bên liên quan tới cá nhân đó (nếu có), chiếm từ trên 25% vốn chủ sở hữu trở lên.

Trường hợp đối tác đã hoàn toàn mất khả năng thanh toán, toàn bộ khoản thiệt hại tính theo giá trị hợp đồng phải được giảm trừ đi từ vốn khả dụng.

## 5. Giá trị rủi ro hoạt động

Giá trị rủi ro hoạt động là giá trị tương ứng với mức độ tổn thất có thể xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư, hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Rủi ro hoạt động của Công ty được xác định bằng 25% chi phí duy trì hoạt động của Công ty trong vòng mười hai (12) tháng liền kề tính tới tháng gần nhất, hoặc 20% vốn pháp định theo quy định của pháp luật, tùy thuộc vào giá trị nào lớn hơn.

Chi phí duy trì hoạt động của Công ty được xác định bằng tổng chi phí phát sinh trong kỳ, trừ đi:

- Chi phí khấu hao;
- Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn;
- Dự phòng phải thu khó đòi.

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Bộ phận Kiểm soát  
nội bộ



Nguyễn Trung Kiên

Kế toán trưởng

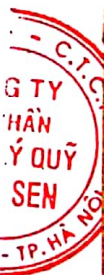


Lê Thị Hồng Vân

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh





**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: Phòng 1806, tầng 18, Charmvit Tower, số 117 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Phụ lục I

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này		Kỳ trước		Kỳ này	Kỳ trước
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(15.858.711.341)	(13.819.423.042)	15.940.112.760	-	-	601.370.379	81.401.419	(14.420.793.421)
<b>Cộng</b>	<b>9.141.288.659</b>	<b>11.180.576.958</b>	<b>15.940.112.760</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>601.370.379</b>	<b>25.081.401.419</b>	<b>10.579.206.579</b>

Lập, ngày 29 tháng 7 năm 2019

Bộ phận Kiểm soát  
nội bộ

Nguyễn Trung Kiên

Kế toán trưởng

Lê Thị Hồng Vân



Tổng Giám đốc

  
Cao Hoài Thanh